TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 967/2019/HNGĐ-PT Ngày: 31-10-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Lê Thiên Hương
2. Bà Ngô Thị Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 86/2019/HNGĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 658/2019/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4398/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8258/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phi T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 65/4A ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 65/4A ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Phi T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng trong việc chăm sóc con chung. Nay nhận thấy cuộc chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Tiểu B, sinh ngày 09/6/2015. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại Bản án sơ thẩm số 658/2019/HNGĐ-ST ngày 20/6/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Phi T và bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Tiểu B, sinh ngày 09/6/2015. Sau khi ly hôn, giao trẻ B cho ông Nguyễn Phi T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị T cho đến khi có đơn yêu cầu của ông Nguyễn Phi T.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bà T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này. Nợ chung: Đương sự khai không có.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/7/2019, ông Nguyễn Phi T nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc cấp sơ thẩm không triệu tập bị đơn bà Hoàng Thị Thư để làm rõ hành vi bạo lực gia đình và ngăn cản không cho ông gặp con gái Nguyễn Thị Tiểu B; Không triệu tập con

gái Nguyễn Thị Tiểu B tham gia vụ án vì việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của trẻ; Không triệu tập bà Hoàng Thị Yến N và bà Nguyễn Ngọc T thẩm phán giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm vì đã không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông ngăn chặn bà T mang trẻ Tiểu Bình đi nơi khác; Ngoài ra, bà Nguyễn Thị T và con gái ông không còn cư trú tại địa chỉ 65/4A ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử vẫn xác định bà T và trẻ Nguyễn Thị Tiểu B đang ở tại địa chỉ trên; Đồng thời Nguyễn Phi T yêu cầu làm rõ bà Nguyễn Thị T và trẻ Nguyễn Thị Tiểu B hiện đang ở đâu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định.

Về nội dung: Đối với bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Phi T không kháng cáo về quan hệ hôn nhân và con chung nên cấp phúc thẩm không xét. Về các vấn đề khác mà ông T kháng cáo là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tuy nhiên, án sơ thẩm giao quyền nuôi con cho ông T đến tuổi trưởng thành là không đúng quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc tuyên quyền nuôi con chung đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Phi T kháng cáo với các yêu cầu đã nêu ở trên, các vấn đề khác về quan hệ hôn nhân và về con chung không có đương sự nào kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 228/2018/TLKH-BS ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh N, nhận thấy hôn nhân giữa ông Nguyễn Phi T và bà Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp, có một con chung tên Nguyễn Thị Tiểu B, sinh ngày 09/6/2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Phi T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[3.1] Về việc triệu tập thiếu bị đơn bà Nguyễn Thị T để làm rõ hành vi bạo lực gia đình và ngăn cản không cho ông gặp con gái Nguyễn Thị Tiểu B, đồng thời làm rõ bà T và con gái hiện đang ở đâu.

Nhận thấy ngày 28/8/2018, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án ông Nguyễn Phi T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết công khai giấy triệu tập và văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị T tại địa chỉ của bà T do ông Nguyễn Phi T cung cấp.

Bà Nguyễn Thị T đã được tống đạt, niêm yết công khai giấy triệu tập và các văn bản tố tụng sau đây: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập giải quyết vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 174 Bộ luật tố tụng dân sự, việc tống đạt và niêm yết công khai giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nêu trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được coi là hợp lệ. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Phi T cho là cấp sơ thẩm triệu tập thiếu bà Nguyễn Thị T là không cơ sở chấp nhận.

Về vấn đề ông Nguyễn Phi T yêu cầu làm rõ bà Nguyễn Thị T và con gái Nguyễn Thị Tiểu B hiện nay đang ở đâu. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Biên bản xác minh ngày 01/4/2019 (BL 217) Công an xã X, huyện H cho biết bà Nguyễn Thị T lưu trú tại địa chỉ 65/4A ấp T, xã X, huyện H từ năm 2014 cho đến tháng 4/2018 bỏ địa phương hiện nay đi đâu không rõ. Do đó Tòa án không thể biết bà T đang ở đâu và kháng cáo của ông T về vấn đề này không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3.2] Về yêu cầu triệu tập con gái Nguyễn Thị Tiểu B tham gia vụ án vì việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của trẻ.

Hội đồng xét xử nhận thấy trẻ Nguyễn Thị Tiểu B sinh ngày 09/6/2015. Thời điểm cấp sơ thẩm giải quyết vụ án ly hôn giữa ông T và bà T, trẻ B chưa đủ sáu tuổi không có năng lực hành vi tố tụng dân sự và năng lực pháp luật tố tụng dân sự, việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng tại Tòa án sẽ do người đại diện hợp pháp thực hiện. Trong vụ án ly hôn cả cha và mẹ của trẻ đều trực tiếp tham gia tố tụng và là đại diện hợp pháp của trẻ. Do đó, không cần thiết triệu tập con chung tham gia tố tụng trong vụ án ly hôn với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3.3] Về việc cấp sơ thẩm không triệu tập bà Hoàng Thị Yến N và bà Nguyễn Ngọc T vì không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy rằng những người đã tham gia giải quyết vụ án không phải là đương sự trong vụ án dân sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm không triệu tập tham gia tố tụng là đúng. Mặt khác, sau khi cấp sơ thẩm ra thông báo không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ông T đã thực hiện quyền khiếu nại về việc

không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 1018/2018/QĐ-TATP ngày 21/11/2018 không chấp nhận khiếu nại của ông T, tại quyết định ghi rõ đây là quyết định cuối cùng. Do đó, kháng cáo của ông T về vấn đề này không có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Về việc bản án sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị T và trẻ Nguyễn Thị Tiểu B đang ở tại địa chỉ số 65/4A ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế bà T và trẻ B không còn cư trú tại địa chỉ trên.

Căn cứ Biên bản xác minh ngày 01/4/2019 (BL 217) Công an xã X, huyện H cho biết bà Nguyễn Thị T lưu trú tại địa chỉ 65/4A ấp T, xã X, huyện H từ năm 2014 cho đến tháng 4/2018 bỏ địa phương hiện nay đi đâu không rõ.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 25/10/2018 (BL 221), ông T trình bày vẫn giữ nguyên việc cung cấp địa chỉ bà T là tại số 65/4A ấp T, xã X, huyện H và ông cho biết đây là địa chỉ theo đơn khởi kiện của bà T.

Qua các căn cứ trên, xác định địa chỉ số 65/4A ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của bà T và đây cũng là địa chỉ do ông T cung cấp trong quá trình khởi kiện và giải quyết vụ án. Do đó, việc bản án sơ thẩm ghi bà T cư trú tại địa chỉ số 65/4A ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh cho phù hợp mà không cần thiết sửa bản án sơ thẩm.

[5] Từ những nhận định trên, nhận thấy kháng cáo của ông Nguyễn Phi T là không có cơ sở chấp nhận, nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 68, Khoản 1 Điều 174, Điều 266, Khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phi T.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 658/2019/HNGĐ-ST ngày 20/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, như sau:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Phi T và bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Tiểu B sinh ngày 09/6/2015 cho ông Nguyễn Phi T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận ông Nguyễn Phi T không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Phi T chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0004753 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Ông Nguyễn Phi T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Phi T chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004366 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Ông Nguyễn Phi T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- UBND P.A, TP.T, T.N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên